

Số: 130/2024/QĐST-HNGĐ

Tp. Tuyên Quang, ngày 11 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 363/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023, giữa:

* *Nguyên đơn*: Anh **Vũ Xuân T**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn 10, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn*: Chị **Hà Thị P**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn 10, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Vũ Công U, sinh năm 1948; Địa chỉ: Thôn 10, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

+ Bà Vũ Thị Kim K, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn 10, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

+ Ông Vũ Trung K, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn 10, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

+ Bà Vũ Thị K, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn 21, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vũ Xuân T và chị Hà Thị P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Anh Vũ Xuân T và chị Hà Thị P có 02 con chung là Vũ Xuân T, sinh ngày 17/7/2001 và Vũ Xuân T, sinh ngày 05/8/2006. Hiện nay con chung là Vũ Xuân T đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường và có thể tự lập, không yêu cầu Toà án giải quyết; Giao con chung là Vũ Xuân T cho anh Vũ Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn. Chị Hà Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Anh Vũ Xuân T được toàn quyền sử dụng và định đoạt các tài sản chung của vợ chồng gồm:

+ Toàn bộ nhà, vật kiến trúc xây dựng trên thửa đất số 347, tờ bản đồ số 50 (được cấp GCNQSD số phát hành I 559345, sổ vào sổ cấp GCNQSD đất 00948 mang tên hộ ông Vũ Công U, do UBND huyện Yên Sơn cấp ngày 25/11/1996); Địa chỉ: Thôn 10, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, hiện trạng như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/3/2024, thể hiện tại Mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 09/5/2024. Trong đó công trình nhà ở là 100,8m², được xác định bởi các điểm giới hạn 12, 13, 14, 15, 16, 17, 12 và chuồng trại là 24,8m², ranh giới được xác định bởi các điểm giới hạn 18, 19, 20, 12m². Trị giá: 239.592.000 đồng (*hai trăm ba mươi chín triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng*);

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại: TRITON GLX, số máy: 4N15UJT4331, số khung: NMBJLKK10PH046897. Trị giá: 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*).

Tổng trị giá các tài sản chung là: 539.592.000 đồng (*Năm trăm ba mươi chín triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng*). Anh Vũ Xuân T phải trả cho chị Hà Thị P số tiền là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Trị giá kỷ phần anh Vũ Xuân T được chia là 339.592.000 đồng (*Ba trăm ba mươi chín triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Về vay nợ chung*: Các đương sự đều xác định, không yêu cầu Toà án giải quyết về vay nợ chung trong vụ án này.

- *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

+ Anh T phải chịu 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 8.489.800 đồng (*Tám triệu, bốn trăm tám mươi chín nghìn, tám trăm đồng*) tiền phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; Tổng cộng số tiền án phí anh T phải chịu là 8.564.800 đồng (*Tám triệu, năm trăm sáu mươi tư nghìn, tám trăm*

đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 4.800.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí trên hệ thống thông tin điện tử số 000000801041 ngày 23 tháng 11 năm 2023, mã thông báo K28LVKQ1S6 trên hệ thống thông tin điện tử ký bởi Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam. Anh Vũ Xuân T còn phải nộp 3.764.800 đồng (*Ba triệu, bảy trăm sáu mươi tư nghìn, tám trăm đồng*).

+ Chị Hà Thị P phải chịu 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; Tổng cộng số tiền án phí chị P phải chịu là 5.075.000 đồng (*Năm triệu, không trăm, bảy mươi lăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000377 ngày 26/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Chị Hà Thị P được trả lại số tiền chênh lệch là 2.425.000 đồng (*Hai triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

- *Về chi phí tố tụng khác*: Bao gồm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, chi phí in ấn Bản trích đo, anh Vũ Xuân T và chị Hà Thị P đã thanh toán xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

(Kèm theo Quyết định này là Bản trích hiện trạng sử dụng đất do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 09/5/2024)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố T;
- THADS thành phố T;
- UBND xã K, thành phố T
- Tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Vương Thị Lan

